

Số/No.: 735/2026/CBTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Hanoi, July 28, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam
Vietnam Exchange
Hanoi Stock Exchange
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT/
VNDIRECT SECURITIES CORPORATION

- Mã chứng khoán/Stock code: VND
- Địa chỉ trụ sở chính/Address: Số 01, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội/ No. 1, Nguyen Thuong Hien street, Hai Ba Trung ward, Ha Noi
- Điện thoại/Tel: 024.39724568 Fax: 024.39724600
- Email: cbtt@vndirect.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure (*):

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) công bố thông tin về Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp.

VNDIRECT Securities Corporation (the “Company”) discloses the Periodic Report on the Payment of Principal and Interest on Corporate Bonds.

(Chi tiết theo tài liệu đính kèm/Details according to the attached documents)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/07/2026 tại đường dẫn: https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

This information was published on the Company’s website on July 28, 2026 as in the link https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
VNDIRECT SECURITIES CORPORATION**

Số: ~~734~~../2026/BC-VNDIRECT
No: ~~734~~../2026/BC-VNDIRECT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày ~~28~~ tháng 07 năm 2026
Hanoi, July ~~28~~, 2026

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - *The State Securities Commission;*
- *The Vietnam Stock Exchange;*
- *The Hanoi Stock Exchange.*

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 /*Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026*

(Đơn vị tính: đồng/Unit: VND)

TT No	Mã Trái phiếu	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	VND125032	2 năm/2 years	12/12/2025	12/12/2027	-	-	-	39.865.298.987	999.390.000.000	4.526.007.450
2	VND125033	3 năm/3 years	12/12/2025	12/12/2028	-	-	-	41.318.879.857	999.015.000.000	4.628.316.613

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors
Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026/Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026

(Đơn vị tính: đồng/Unit: VND)

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage
Mã trái phiếu VND125032/ Bond code VND125032						
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	994.390.000.000	99,50%	(27.000.000.000)	(2,70%)	967.390.000.000	96,80%

1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	894.000.000.000	89,45%	73.000.000.000	7,30%	967.000.000.000	96,76%
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	200.000.000.000	20,01%	(167.000.000.000)	(16,71%)	33.000.000.000	3,30%
c) Công ty chứng khoán /Securities companies	60.000.000.000	6,00%	266.168.100.000	26,63%	326.168.100.000	32,64%
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies	-	0,00%	65.000.000.000	6,50%	65.000.000.000	6,50%
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	634.000.000.000	63,44%	(91.168.100.000)	(9,12%)	542.831.900.000	54,32%
2. Nhà đầu tư cá nhân /Individual investors	100.390.000.000	10,05%	(100.000.000.000)	(10,01%)	390.000.000	0,04%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	5.000.000.000	0,50%	27.000.000.000	2,70%	32.000.000.000	3,20%
1. Nhà đầu tư có tổ chức /Institutional investors	5.000.000.000	0,50%	27.000.000.000	2,70%	32.000.000.000	3,20%
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	-	0,00%	32.000.000.000	3,20%	32.000.000.000	3,20%

c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	5.000.000.000	0,50%	(5.000.000.000)	(0,50%)	-	0,00%
d) Công ty Bảo hiểm <i>/Insurance companies</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
2. Nhà đầu tư cá Nhân <i>/Individual investors</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Tổng/ Total	999.390.000.000	100,00%	-	0,00%	999.390.000.000	100,00%

Mã trái phiếu VND125033/ Bond code VND125033

I. Nhà đầu tư trong nước/<i>Domestic investors</i>	934.015.000.000	93,49%	(20.097.100.000)	(2,01%)	913.917.900.000	91,48%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/<i>Institutional investors</i>	934.000.000.000	93,49%	(34.239.100.000)	(3,43%)	899.760.900.000	90,06%
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>	-	0,00%	70.000.000.000	7,01%	70.000.000.000	7,01%
c) Công ty chứng khoán <i>/Securities companies</i>	190.000.000.000	19,02%	(82.239.100.000)	(8,23%)	107.760.900.000	10,79%

d) Công ty Bảo hiểm <i>/Insurance companies</i>	420.000.000.000	42,04%	-	0,00%	420.000.000.000	42,04%
đ) Các tổ chức khác/Other <i>organisations</i>	324.000.000.000	32,43%	(22.000.000.000)	(2,20%)	302.000.000.000	30,23%
2. Nhà đầu tư cá nhân <i>/Individual investors</i>	15.000.000	0,0015%	14.142.000.000	1,4156%	14.157.000.000	1,4171%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	65.000.000.000	6,51%	20.097.100.000	2,01%	85.097.100.000	8,52%
1. Nhà đầu tư có tổ chức <i>/Institutional investors</i>	65.000.000.000	6,51%	20.000.000.000	2,00%	85.000.000.000	8,51%
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>	15.000.000.000	1,50%	35.000.000.000	3,50%	50.000.000.000	5,00%
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
d) Công ty Bảo hiểm <i>/Insurance companies</i>	50.000.000.000	5,00%	(15.000.000.000)	(1,50%)	35.000.000.000	3,50%
đ) Các tổ chức khác/Other <i>organisations</i>	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
2. Nhà đầu tư cá Nhân <i>/Individual investors</i>	-	0,00%	97.100.000	0,01%	97.100.000	0,01%

Tổng/ Total	999.015.000.000	100,00%	-	0,00%	999.015.000.000	100,00%
--------------------	------------------------	----------------	----------	--------------	------------------------	----------------

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/*Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

Nơi nhận:

Recipients:

- Như Kính gửi/As above

- Lưu: Công ty/Archived: Company

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI
PHIẾU/ CONFIRMATION BY THE LEGAL REPRESENTATIVE OF THE BOND
ISSUER

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vũ Long